TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN NẬM PỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CÁ NHÂN HÀNG NĂM
(Ngày 11 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Xuân Chính, Năm sinh: 1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện NP
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ.
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên.
- Chỗ ở hiện tại: Bản Nậm Ngà 2, Xã Nậm Chua, Huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 011083000782
ngày cấp: 27/12/2023 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Tuyền Năm sinh:1984
- Chức vụ/chức danh công tác: Giảng Viên
- Cơ quan/đơn vị công tác:Trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 035184006415
ngày cấp: 06/04/2021 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát uản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Thị Nhật Phương
- Ngày, tháng, năm sinh:31/07/2009
- Hộ khẩu thường trú:Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 011309006251

ngày cấp: nơi cấp: Công an Điện Biên

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Phạm Tuấn Tú

- Ngày, tháng, năm sinh: 01/03/2012

- Hộ khẩu thường trú: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên

- Chỗ ở hiện tại: Tổ 7 phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 0112120006997

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: Tổ 7 - Phường Nam Thanh - Thành Phố Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

- Diện tích[9]: 131,4 m2

- Giá trị[10]: 400.000 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Số: 3 tờ bản đồ 70, ngày cấp 29/10/2019 của ông Phạm Xuân Chính chủ sở hữu.

1.1.2. Thửa thứ 2: Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ[8]: Tổ 7 - Phường Nam Thanh - Thành Phố Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

- Diện tích[9]: 106,8 m2

- Giá trị[10]: 500.000 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Số: 196 tờ bản đồ 69, ngày cấp 04/11/2019 của ông Phạm Xuân Chính chủ sở hữu.

1.1.3. Thửa thứ 3: Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ[8]: Trung tâm huyên lỵ Pú Tửu, xã Thanh Xương, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên.

- Diện tích[9]: 450,3 m2

- Giá trị[10]: 800.000 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Số: Thửa đất số L4, tờ bản đồ số OM35, Trung tâm huyên lỵ Pú Tửu, xã Thanh Xương, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, của Bà Đỗ Thị Thanh Tuyền chủ sở hữu.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

- Loại đất:.....Không..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: Không. .....
- Giá trị[10]: Không. .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Không. .....
- Thông tin khác (nếu có): Không. .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 7 - Phường Nam Thanh - Thành Phố Điện Biên - Tỉnh Điện Biên
- Loại nhà[14]: Đơn lẻ Cấp công trình: IV
- Diện tích sử dụng [15]: 106,8 m2
- Giá trị[10]: 300.000 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số: 196 tờ bản đồ 69, ngày cấp 04/11/2019 của ông Phạm Xuân Chính chủ sở hữu.

2.1.2. Nhà thứ 2

2.2. Công trình xây dựng khác[16]: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Không..... Địa chỉ: Không.....
- Loại công trình:..... Không..... Cấp công trình: ..... Không.....
- Diện tích: Không. .....
- Giá trị [10]: Không. .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không. .....
- Thông tin khác (nếu có): Không. .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:.. Không..... Số lượng:... Không..... Giá trị[10]: Không.
- Loại cây:..... Không..... Số lượng:..... Không..... Giá trị[10]: Không. .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:.... Không..... Diện tích:..... Không..... Giá trị[10]: Không. .....

- Loại rừng:..... Không..... Diện tích:... Không..... Giá trị[10]: Không.

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.... Không..... Số lượng:..... Không.. Giá trị[10]: Không.

- Tên gọi:.... Không..... Số lượng:..... Không..... Giá trị[10]: Không.

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20]. Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21]. 100.000 triệu đồng (tiền mặt 100.000 triệu đồng).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không.

6.1. Cổ phiếu: Không.

6.2. Trái phiếu: Không.

6.3. Vốn góp[22]: Không.

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]: Không.

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:... Không.Số đăng ký:..... Không..... Giá trị: Không. .....

- Tên tài sản:.. Không..... Số đăng ký:..... Không..... Giá trị: Không. .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

8. Tài sản ở nước ngoài[26]. Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]: Không.

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:0

- Tổng thu nhập của người kê khai: Chồng: 247.501.824đ tăng 73.143.732đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): Vợ: 180.000.000đ tăng 49.038.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]	Nội dung giải trình nguồn gốc của tài

			sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			

8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32]. 427.501.854đ		427 triệu đồng	Lương vợ, chồng

Điện Biên, ngày 20 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Nguyễn Văn Thiết
TTVC, Thanh tra Sở GDĐT

Nậm Pồ, ngày 11 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Phạm Xuân Chính